

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6520 /BTNMT-ĐĐ

V/v ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật
Đất đai và các Nghị định quy định chi tiết thi
hành Luật Đất đai

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Luật Đất đai năm 2024 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại kỳ họp bất thường lần thứ 5. Tại kỳ họp thứ 7 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng; theo đó, quyết nghị Luật Đất đai có hiệu lực từ ngày 01/8/2024. Trong đó có nhiều nội dung còn phải được chính quyền địa phương ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

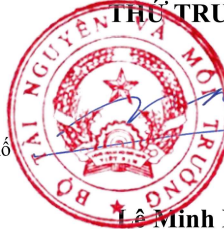
Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo các địa phương gấp rút xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thuộc thẩm quyền được giao. Để kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các Nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp thông tin về tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng 9 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền (tại Phiếu thông tin kèm theo).

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP Phạm Minh Chính (để báo cáo);
- Các Phó TTgCP (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các sở: TNMT, TC, XD, NNPTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Cục: QH&PTNĐ, ĐK&DLTTĐĐ;
- Lưu: VT, VP (TH), ĐĐ.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Minh Ngân

Tên tỉnh/thành phố:.....

PHIẾU THÔNG TIN
Về tiến độ ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024

A. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

1. Tình hình ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2024

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1	Khoản 6 Điều 16. Trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số	6. Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.	HĐND cấp tỉnh			
2	Khoản 4 Điều 102. Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất	UBND cấp tỉnh			
3	Khoản 4 Điều 103. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	4. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế theo mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		quy định;				
4	Khoản 6 Điều 103. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.	UBND cấp tỉnh			
5	Khoản 2 Điều 104. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất	2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này.	UBND cấp tỉnh			
6	Điểm b khoản 4 Điều 109. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	4. Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ được quy định như sau: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và điều kiện thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với từng đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 2 và 3 Điều này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại điểm c khoản này;	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
7	Khoản 5 Điều 109. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	5. Mức hỗ trợ cụ thể tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.	UBND cấp tỉnh			
8	Khoản 7 Điều 111. Bố trí tái định cư	7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp thu hồi đất ở để thực hiện các mục đích khác thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có quỹ đất, quỹ nhà tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng. Có cơ chế thương đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.	UBND cấp tỉnh			
9	Khoản 10 Điều 111. Bố trí tái định cư	10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quy định chi tiết về cơ chế thương quy định tại khoản 7 Điều này và suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều này; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê,	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều này.				
10	Điểm a khoản 1 Điều 126. Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;	HĐND cấp tỉnh			
11	Điểm n khoản 1 Điều 137. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất	n) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tiễn của địa phương.	UBND cấp tỉnh			
12	Khoản 4 Điều 139. Giải quyết đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.	UBND cấp tỉnh			
13	Khoản 5 Điều 141. Xác	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
	định diện tích đất ở khi công nhận quyền sử dụng đất	điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.				
14	Khoản 5 Điều 176. Hạn mức giao đất nông nghiệp	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	UBND cấp tỉnh			
15	Khoản 3 Điều 177. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân	3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để quy định cụ thể hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.	UBND cấp tỉnh			
16	Khoản 3 Điều 178. Đất nông nghiệp do cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng	3. Người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật này; được sử dụng một diện tích đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Trường hợp sử dụng đất trồng lúa thì thực hiện theo quy định tại Điều 182 của Luật này.	UBND cấp tỉnh			
17	Khoản 2 Điều 195. Đất	2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
	ở tại nông thôn	của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn				
18	Khoản 2 Điều 196. Đất ở tại đô thị	2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị.	UBND cấp tỉnh			
19	Khoản 4 Điều 213. Đất tôn giáo	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.	UBND cấp tỉnh			
20	Khoản 4 Điều 220. Tách thửa đất, hợp thửa đất	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.	UBND cấp tỉnh			

2. Tình hình ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

2.1. Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 quy định về giá đất

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1.	Điểm đ khoản 2 Điều 6. Trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp thặng dư	đ) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ bán hàng, tỷ lệ lấp đầy để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trường hợp trong các văn bản về chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định thời gian bán hàng, thời điểm bắt đầu bán hàng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng.	UBND cấp tỉnh			
2.	Điểm đ khoản 3 Điều 6. Trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp thặng dư	đ) Căn cứ thông tin về các dự án tương tự trong khu vực định giá hoặc khu vực lân cận gần nhất, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các tỷ lệ % để xác định chi phí kinh doanh; chi phí	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		<p>lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư có tính đến vốn chủ sở hữu, rủi ro trong kinh doanh cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p> <p>Trường hợp trong các văn bản về chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định thời gian xây dựng, tiến độ xây dựng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng.</p>				
3.	Khoản 3 Điều 8. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất	3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất để xác định mức tương đồng nhất định, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.	UBND cấp tỉnh			
4.	Điểm n khoản 1 Điều 12. Nội dung xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ	n) Giá các loại đất khác theo phân loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai chưa được quy định từ điểm a đến điểm m khoản này	HĐND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
	sung bảng giá đất	theo yêu cầu quản lý của địa phương.				
5.	Khoản 6 Điều 17. Trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo bảng giá đất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh bảng giá đất theo thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định này.	UBND cấp tỉnh			
6.	Khoản 2 Điều 20. Xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất	2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất. Đối với thửa đất, khu đất có yếu tố thuận lợi hoặc kém thuận lợi trong việc sử dụng đất, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tăng hoặc giảm mức giá như sau:	HĐND cấp tỉnh			

2.2. Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1.	Khoản 3 Điều 4. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quỹ đất, quỹ nhà và tình hình thực tế tại địa phương quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
	đất quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai	tại Điều này.				
2.	Điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất	a)... Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại; d) Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.				
3.	Khoản 2 Điều 15. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường, hỗ trợ tại khoản này phù hợp với tập quán và thực tế tại địa phương.	UBND cấp tỉnh			
4.	Điều 16. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải	Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
	phá dỡ	tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; mức bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.				
5.	Điểm b khoản 2 Điều 17	Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.				
6.	Điểm c khoản 1 Điều 18	Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể.				
7.	Khoản 1 Điều 21. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi khi phải di dời.	UBND cấp tỉnh			
8.	Khoản 2 Điều 21. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời cho chủ sở hữu công trình cho	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		liên với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn	phù hợp với từng trường hợp cụ thể.			
9.	Khoản 3 Điều 22. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	3. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 109 của Luật Đất đai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương nhưng không quá 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai.	UBND cấp tỉnh			
10.	Khoản 2 Điều 23. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy mô diện tích đất ở thu hồi, số nhân khẩu của hộ gia đình và điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này cho phù hợp.	UBND cấp tỉnh			
11.	Điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Khoản 2 Điều 24. Bố trí tái định cư	1. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai thực hiện như sau: c) Căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản này và tình hình cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		<p>định suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở, bằng nhà ở và bằng tiền.</p> <p>2. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở quy định tại khoản này.</p>				
12.	Khoản 8 Điều 27. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp địa phương chưa quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì đơn vị, tổ chức thực hiện</p>	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán, thanh quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án theo định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.				

2.3. Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1	Điểm a khoản 1 Điều 21	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				

2.4. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1.	Điểm b khoản 4 Điều 13	b) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp gồm thu từ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, thu từ các dịch vụ công về đất đai, nguồn thu khác theo quy định của pháp	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		luật. Đối với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận gồm kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ, các điều kiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai; đối với các công việc còn lại của thủ tục thì thu dịch vụ theo giá cung cấp dịch vụ công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.				
2.	Khoản 6 Điều 13	6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan phải theo các nguyên tắc sau:...	UBND cấp tỉnh			
3.	Điểm b khoản 4 Điều 14	Tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thu được theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	UBND cấp tỉnh			
4.	Khoản 6 Điều 14	6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		đất cấp huyện với cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan theo các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 13 Nghị định này.				
5.	Khoản 7 Điều 43	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn tại địa phương	UBND cấp tỉnh			
6.	Khoản 2 Điều 45	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể theo nguyên tắc giảm ít nhất một nửa thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	UBND cấp tỉnh			
7.	Khoản 2 Điều 46	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để quy định các điều kiện, tiêu chí cụ thể nhằm bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng với yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.	UBND cấp tỉnh			
8.	Khoản 4 Điều 47	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết việc rà soát, công bố công khai, quy định cụ thể việc lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại địa phương.	UBND cấp tỉnh			
9.	Khoản 4 Điều 53	Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ban	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
		hành điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân.				
10.	Khoản 3 Điều 59	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập quy định tại khoản 1 Điều này.	UBND cấp tỉnh			

2.5. Nghị định số 103/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1	Điểm a khoản 1 Điều 26	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.	UBND cấp tỉnh			
2	Điểm c khoản 2 Điều 27 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.	UBND cấp tỉnh			
3	Khoản 3 Điều 27 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.	UBND cấp tỉnh			

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
4	Khoản 1 Điều 48. Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ban hành mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước và quyết định giá đất cụ thể theo thẩm quyền làm căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.	UBND cấp tỉnh			

2.6. Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 quy định về Quỹ phát triển đất.

TT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QĐCT	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		
				Đang soạn thảo, đang thẩm định	Đã xây dựng và đã thẩm định	Đã ban hành (Số, ngày, trích yếu văn bản)
1	Khoản 1 Điều 15. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất	Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
2	Khoản 1 Điều 16. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
3	Điểm d khoản 3 Điều 26. Trách nhiệm thi hành	Ban hành quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất; quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			